

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HS-ST

Ngày: 08-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ân
2. Ông Nguyễn Hoàng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành C, tên gọi khác: Không, sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: Số 2/11, ấp 3, xã T, huyện B, Tp. HCM; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Cao Thị X; bản thân chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/01/2008 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh Quốc gia”, đã chấp hành xong và xóa án tích. Ngày 24-12-2010, bị UBND huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng, đã chấp hành xong; bị bắt, tạm giữ từ ngày 02-11-2017, tạm giam từ ngày 05-11-2017 cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Thanh T, tên gọi khác: Không, sinh năm 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: E3/15 đường N, khu phố 5, thị trấn T, huyện B, Tp. HCM; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành D và bà Tạ Thị Ngọc D; bản thân có vợ tên Huỳnh Thị Thuý V, có 01 con sinh năm 2017, tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 02-11-2017, tạm giam từ ngày 05-11-2017 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Phan Văn M, sinh năm 1961

ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cao Thị X, sinh năm 1965

ĐKTT: Số 02/11 ấp 3, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Nguyễn Thành D, sinh năm 1968

ĐKTT: Số E3/15 đường N, khu phố 5, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 16-9-2017, Nguyễn Thành C và Nguyễn Thanh T rủ nhau đi tìm tài sản của người sơ hở để trộm cắp bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. T mượn xe mô tô hiệu Yamaha Sirius (không rõ biển số) của anh S (không rõ họ tên và địa chỉ) để chở C ngồi sau lưu thông trên ĐT830C hướng từ huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đi huyện B, tỉnh Long An khi đi đến địa phận xã T, huyện B, tỉnh Long An thì trời mưa nên T vào tiệm tạp hóa ven đường mua 02 cái áo mưa, T và C mặc áo mưa vào rồi T tiếp tục điều khiển xe chạy đi. Đến khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày, T và C quan sát thấy ở phía trước quán phở Phúc Lợi, địa chỉ: ấp 1B, xã t, huyện b có 01 xe mô tô nhãn hiệu Super Dream biển số 52M3-3674 của ông Phan Văn M đang dừng phía trước quán không có người trông coi và chìa khóa đang cắm vào ổ khóa. Lúc này, T điều khiển xe đậu cách xe của ông M khoảng 5m - 6m còn C xuống xe đi bộ đến gần xe của ông M, sau đó lên xe mở khóa khởi động máy chạy, còn T thì điều khiển xe của Sang, cả hai đi theo đường công vụ cao tốc về Tp. HCM. C đem xe vừa trộm được bán cho một người tên T (không rõ họ tên và địa chỉ) được số tiền là 4.000.000đ. C lấy tiền và quay về tiệm Game gặp T và chia cho T 2.000.000đ, C giữ lại 2.000.000đ, cả hai sử dụng số tiền này chơi game bán cá hết. Đến ngày 02-11-2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức mời T và C làm việc. Qua điều tra, T và C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Đối với xe nhãn hiệu Super Dream biển số 52M3-3674 của ông Phan Văn M là vật chứng của vụ án, C và T đã lấy trộm đem đi bán cho người tên T (không rõ họ tên và địa chỉ), hiện CQĐT không thu hồi được.

Tại biên bản định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 29/BB-TCKH ngày 01-11-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bến Lức, định giá xe mô tô nhãn hiệu Super Dream biển số 52M3-3674 trị giá 3.800.000đ.

Tại cáo trạng số 14/QĐ-KSĐT ngày 18-01-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố các bị cáo Nguyễn Thành C, Nguyễn Thanh T về tội

“Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Riêng bị cáo C về nhân thân có 01 tiền án và 01 tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, các bị cáo đã tác động gia đình khắc phục xong hậu quả nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Riêng bị cáo T mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo C hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, có ông Nội Nguyễn Văn Lô là liệt sĩ nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành C, Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thành C từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thanh T từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Do hoàn cảnh gia đình các bị cáo gặp khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, ông Phan Văn M yêu cầu Nguyễn Thành C và Nguyễn Thanh T liên đới bồi thường giá trị xe mô tô biển số 52M3-3674 là 8.000.000đ, hiện bà Cao Thị X là mẹ ruột của C và ông Nguyễn Thanh D là cha ruột của T đã bồi thường cho ông M số tiền là 8.000.000đ, ông M đã nhận tiền xong và không yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến.

Về vật chứng: 01 xe nhãn hiệu Super Dream biển số 52M3-3674 của ông Phan Văn M là vật chứng của vụ án, C và T đã lấy trộm đem đi bán cho người tên Tú (không rõ họ tên và địa chỉ), hiện CQĐT không thu hồi được.

Đối với hành vi của tên Sang (không rõ họ tên và địa chỉ) cho T và C mượn xe để thực hiện hành vi phạm tội và tên Tú (không rõ họ tên và địa chỉ) đã có hành vi mua xe do T và C phạm tội mà có, hiện CQĐT đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, địa chỉ của S và T nên tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Các bị cáo không tranh luận.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Bị cáo C nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và các bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Biên bản định giá tài sản, Bản ảnh hiện trường, Sơ đồ hiện trường và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Nguyễn Thành C, Nguyễn Thanh T là người đã thành niên, có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi nên các bị cáo đã nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nên khoảng 13 giờ 40 phút, ngày 16/9/2017, Nguyễn Thanh T điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở Nguyễn Thành C từ địa bàn huyện B đến trước cửa tiệm phở Phúc Lợi tại ấp 1B xã T, đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Super Dream biển số 52M3-3674 của Phan Văn M trị giá 3.800.000đ rồi đem về Tp. HCM bán xe cho một người tên T (không rõ họ tên và địa chỉ) được 4.000.000đ, chia nhau tiêu xài cá nhân đã đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Xét thấy, hai bị cáo không có bản lương tâm, phân công, phân nhiệm cụ thể, không có cấu kết chặt chẽ với nhau nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn do đó Viện kiểm sát truy tố hai bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, các bị cáo xác định cáo trạng truy tố các bị cáo là không oan sai, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Hành vi trái pháp luật của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền để tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên các bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

[5] Hành vi của các bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Các bị cáo cũng nhận biết việc lén lút lấy trộm tài sản của ông Phan Văn M là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam nên các bị cáo bất chấp, chứng tỏ các bị cáo đã xem thường pháp luật, hơn nữa bị cáo C đã bị Tòa án kết án mà không biết từ bỏ lại tiếp tục dần thân vào con đường phạm tội. Hành vi của các bị cáo gây mất trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Do đó cần phải xử lý các bị cáo bằng một hình phạt thỏa đáng mới có thể giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Tuy nhiên, cần xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Riêng bị cáo C về nhân thân đã bị Tòa án kết án và Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đưa tập trung cai nghiện.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, các bị cáo đã tác động gia đình khắc phục xong hậu quả, hiện hoàn cảnh gia đình các bị cáo gặp khó khăn, bị cáo C có ông nội Nguyễn Văn L là liệt sĩ nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Riêng bị cáo T mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[7] Tuy nhiên, phải xem xét vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

Bị cáo C là người thực hành.

Bị cáo T là người khởi xướng và là người giúp sức tích cực.

Cũng cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó, bị cáo Nguyễn Thành C, Nguyễn Thanh T có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, ông Phan Văn M yêu cầu Nguyễn Thành C và Nguyễn Thanh T liên đới bồi thường giá trị xe mô tô biển số 52M3-3674 là 8.000.000đ, hiện bà Cao Thị Xem là mẹ ruột của C và ông Nguyễn Thanh Dũng là cha ruột của T đã bồi thường cho ông Mơi số tiền là 8.000.000đ, ông Mơi đã nhận tiền xong và không yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến. Trước phiên tòa, bà Xem, ông Dũng không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại tiền bồi thường trên nên không đề cập đến.

[10] Về vật chứng: 01 xe nhãn hiệu Super Dream biển số 52M3-3674 của ông Phan Văn M là vật chứng của vụ án, C và T đã lấy trộm đem đi bán cho người tên Tú (không rõ họ tên và địa chỉ), hiện CQĐT không thu hồi được.

[11] Đối với hành vi của tên Sang (không rõ họ tên và địa chỉ) cho T và C mượn xe để thực hiện hành vi phạm tội và tên Tú (không rõ họ tên và địa chỉ) đã có hành vi mua xe do T và C phạm tội mà có, hiện CQĐT đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, địa chỉ của Sang và Tú nên tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[12] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành C, Nguyễn Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thành C 01 năm tù, thời gian tù tính từ ngày 02-11-2017.

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thanh T 09 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 02-11-2017.

2. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Thành C, Nguyễn Thanh T trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 08-02-2018 để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Nguyễn Thành C, Nguyễn Thanh T mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Ngọc Thành